

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/DS-PT

Ngày 17/7/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến;

Các Thẩm phán:

Ông K’ Tiêng;

Ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TL-DSPT ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2020/QĐ-PT ngày 11/6/2020 và số: 40/2020/QĐ-PT ngày 25/6/2020, Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Tháp BIDV 35 H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp Luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông. (Theo văn bản ủy quyền số: 8695 /QĐ-BIDV ngày 28 tháng 10 năm 2016).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đào Công T1 – Trưởng phòng quản trị tín dụng, Ngân hàng T - Chi nhánh Đắk Nông – Có mặt.

Địa chỉ: Số 35, đường 23 T, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Bà Bùi Thị Kim T2 – Vắng mặt và ông Hà Xuân T3 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Bùi Anh T4 và chị Hà Bùi Minh T5 – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố g, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân T3 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Do có kháng cáo của ông Hà Xuân T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 19/9/2012 ông Hà Xuân T3 lập văn bản ủy quyền cho bà Bùi Thị Kim T2 được quyền thay mặt hộ gia đình ký kết các hợp đồng, chứng từ trong giao dịch vay vốn (trừ việc bảo đảm tiền vay) với Ngân hàng T – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông (gọi tắt là Ngân hàng T); thời hạn ủy quyền: kể từ ngày ủy quyền cho đến khi hoàn thành xong công việc ủy quyền nêu trên. Sau khi ủy quyền đến tháng 3 năm 2014, bà T2 đã nhiều lần ký các hợp đồng tín dụng (08 HĐTD) với Ngân hàng T và đã tất toán xong. Đến ngày 25/6/2014 Ngân hàng T và bà Bùi Thị Kim T2 tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số: 01/2014/1053063/HĐTD. Theo nội dung hợp đồng, Ngân hàng T cho bà T2 vay số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng); mục đích vay để đầu tư sửa chữa cải tạo nhà ở, cải tạo vườn cà phê và mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn vay 36 tháng, kể từ ngày 25/6/2014 đến ngày 26/ 6/ 2017; lãi suất áp dụng tại thời điểm vay là 12% năm (áp dụng lãi suất thả nổi), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; thời hạn trả nợ gốc cụ thể như sau: Ngày 25/ 6/ 2015 trả 500.000.000 đồng, ngày 25/ 06/ 2016 trả 1.000.000.000 đồng và ngày 26/ 6/ 2017 trả 1.500.000.000 đồng; tiền lãi trả theo từng tháng. Tài sản bảo đảm gồm: Giấy chứng nhận QSDĐ số: AA362804 đứng tên ông Hà Xuân T3 do UBND huyện Đắk Nông cấp ngày 30/ 11/2004; Giấy chứng nhận QSDĐ số: AA362801 đứng tên hộ bà Bùi Thị Kim T2 do UBND huyện Đắk Nông cấp ngày 30/ 11/ 2004 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 03/2009/1053063/HĐTC ngày 30/ 03/ 2009 và giấy CNQSDĐ số: BL834807 đứng tên hộ ông Hà Xuân T3 và bà Bùi Thị Kim T2 do UBND huyện Đ cấp ngày 25/02/2013 theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2013/HĐTC ngày 04/ 03/ 2013 (quy định tại Điều 6 hợp đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Bùi Thị Kim T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, cụ thể: từ ngày vay đến nay bà T2 mới trả 168.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền gốc 3.000.000.000 đồng và tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn đến nay bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà Xuân T3 vẫn chưa trả. Mặc dù Ngân hàng T đã thông báo và đôn đốc nhắc nhở nhiều lần để thu hồi nợ nhưng vẫn không có kết quả. Do vậy nay Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà

Xuân T3 phải có nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đồng tín dụng số: 01/2014/1053063/HĐTD ngày 25/ 6/ 2014, cụ thể; nợ gốc 3.000.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày xét xử là 2.514.781.250 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn là 1.906.750.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 608.031.250 đồng (đã trừ số tiền lãi đã trả 168. 000 000 đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo hợp tín dụng giữa các bên đã ký kết cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp bà T2 và ông T3 không trả nợ, Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản đảm bảo theo hợp đồng nêu trên để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Bùi Thị Kim T2 trình bày: Thừa nhận việc thế chấp tài sản bảo đảm khoản vay và số tiền nợ gốc và tiền lãi như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên bà T2 cho rằng hiện nay gia đình gặp nhiều khó khăn nên xin được miễn số tiền lãi, chấp nhận trả đủ tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) theo yêu cầu của nguyên đơn. Việc xử lý tài sản thế chấp yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Hà Xuân T3 trình bày: Ông với bà Bùi Thị Kim T2 là vợ chồng. Năm 2009 vợ chồng ông có thế chấp tài sản của hộ gia đình để vay vốn tại Ngân hàng T nhưng đã tất toán xong. Đối với việc bà Bùi Thị Kim T2 tự ý mang tài sản của hộ gia đình thế chấp vay vốn với Ngân hàng T ông hoàn toàn không biết và ông không vay nên không chấp nhận trả nợ và ông cho rằng các tài sản thế chấp đã bị vô hiệu nên không chấp nhận xử lý tài sản của hộ gia đình theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông yêu cầu Ngân hàng T phải trả lại toàn bộ tài sản bà T2 đã thế chấp bảo đảm tiền vay nêu trên cho gia đình ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Bùi Anh T4 và chị Hà Bùi Minh T5 trình bày: Cả hai là con ruột của ông Hà Minh T3 bà Bùi Thị Kim T2. Việc bố mẹ tự ý thế chấp tài sản là của hộ gia đình để vay vốn tại Ngân hàng T mà không có ý kiến của các con là trái với quy định của pháp luật do vậy tài sản thế chấp đảm bảo vốn vay là vô hiệu, Ngân hàng T không được quyền xử lý tài sản này và phải trả lại tài sản thế chấp cho hộ gia đình.

Tại bản án số: 01/2020/DS-ST ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp đã áp dụng các Điều 126, 127, 128, 137, khoản 1 Điều 281, 290, khoản 2 Điều 305, 342, 344, 347, 350, 355; 357, 409, 715 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà Xuân T3 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng số 01/2014/1053063/HĐTD Ngày 25 tháng 6 năm 2014.

1.1. Buộc bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà Xuân T3 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T - Chi Nhánh tỉnh Đắk Nông 5. 514.781.250 đồng (Năm tỷ năm trăm mười bốn triệu bảy trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng), gồm

tiền nợ gốc là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 10 - 01 - 2020) là 2.514.781.250 đồng, trong đó tiền lãi suất trong hạn là 1.906.750.000 đồng và tiền lãi suất quá hạn là 608.031.250 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/1053063/HĐTD Ngày 25 tháng 6 năm 2014.

- Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10 - 01 - 2020) bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà Xuân T3 còn phải tiếp tục chịu lãi suất đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/1053063/HĐTD Ngày 25 tháng 6 năm 2014 đối với số tiền nợ gốc chưa trả cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Trường hợp bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà Xuân T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T- Chi Nhánh tỉnh Đắk Nông có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: AA362804 đứng tên ông Hà Xuân T3 do UBND huyện Đắk Nông cấp ngày 30 - 11 - 2004 và Giấy chứng nhận QSDĐ số: AA362801 đứng tên hộ bà Bùi Thị Kim T2 do UBND huyện Đắk Nông cấp ngày 30 - 11 - 2004 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 03/2009/1053063/HĐTC ngày 30 - 03 - 2009.

- Trường hợp tài sản thế chấp xử lý không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà Xuân T3 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T - Chi Nhánh tỉnh Đắk Nông.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T về việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy CNQSDĐ số: BL834807 đứng tên hộ ông Hà Xuân T3 và bà Bùi Thị Kim T2 do UBND huyện Đ cấp ngày 25/02/2013 theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2013/HĐTC ngày 04 - 03 - 2013 để thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/1053063/HĐTD Ngày 25 tháng 6 năm 2014.

2.1. Tuyên bố vô hiệu một phần Hợp đồng tín dụng số 01/2014/1053063/HĐTD Ngày 25 tháng 6 năm 2014 tại Điều 6 của Hợp đồng đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy CNQSDĐ số: BL834807 đứng tên hộ ông Hà Xuân T3 và bà Bùi Thị Kim T2 do UBND huyện Đ cấp ngày 25/02/2013 theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2013/HĐTC ngày 04 - 03 - 2013.

- Buộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi Nhánh tỉnh Đắk Nông trả lại Giấy CNQSDĐ số: BL834807 do UBND huyện Đ cấp ngày 25/02/2013 cho hộ ông Hà Xuân T3 và bà Bùi Thị Kim T2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/01/2020 ông Hà Xuân T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Ngày 08/6/2020, ông Hà Xuân T3 có đơn rút một phần kháng cáo, và tại phiên tòa phúc thẩm ông T3 thay đổi nội dung kháng cáo là chỉ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông phải có nghĩa vụ cùng bà T2 phải trả nợ cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc, lãi phát sinh mà bà T2 đã vay và không đồng ý việc xử lý tài sản bảo đảm gồm 02 quyền sử dụng đất theo CNQSDĐ số AA362801 đứng tên hộ bà Bùi Thị Kim T2 và GCNQSDĐ số AA362804 đứng tên hộ ông Hà Xuân T3 do UBND huyện Đắk Nông cấp ngày 30/11/2004.

Ngày 07/2/2020 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T - Chi Nhánh tỉnh Đắk Nông kháng cáo bản án sơ thẩm tuy nhiên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đã quá hạn theo quy định. Do đó, ngày 13/3/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành quyết định số 01/2020/QĐ-PT về việc không chấp nhận kháng cáo quá hạn nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Việc chấp hành tố tụng của người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hà Xuân T3, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hà Xuân T3 làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hà Xuân T3 có thay đổi yêu cầu kháng cáo và việc thay đổi yêu cầu kháng của ông T3 là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Do đó căn cứ vào Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự cần chấp nhận đối với yêu cầu thay đổi kháng cáo này.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hà Xuân T3, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Hà Xuân T3 cho rằng Hợp đồng tín dụng số 01/2014/1053063/HĐTD ngày 25 tháng 6 năm 2014 (gọi tắt là HĐTD 14) được ký kết giữa Ngân hàng T – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông (gọi tắt là Ngân hàng T) với bà Bùi Thị Kim T2 (vợ ông T3) là do một mình bà T2 thực hiện ông hoàn toàn không biết. Đồng thời giấy ủy quyền không thể hiện thời gian nên chỉ có hiệu lực một năm theo Điều 582 Bộ luật Dân sự 2005. Do đó, không có căn cứ buộc ông phải có nghĩa vụ cùng bà T2 phải trả nợ cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc, lãi phát sinh mà bà T2 đã vay. HĐXX xét thấy: Ngày 19/9/2012 ông Hà Xuân T3 là

chủ hộ có lập văn bản ủy quyền cho vợ là bà Bùi Thị Kim T2 đại diện cho hộ gia đình thực hiện các thủ tục, ký kết các hợp đồng, chứng từ trong giao dịch vay vốn (trừ việc bảo đảm tiền vay) với Ngân hàng T – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông, thời hạn ủy quyền: “Kể từ ngày ký ủy quyền cho đến khi hoàn thành xong công việc ủy quyền nêu trên” có xác nhận của UBND xã N, huyện Đ. Sau khi ủy quyền thì bà Bùi Thị Kim T2 liên tục ký kết với phòng giao dịch Đ– Ngân hàng T chi nhánh Đắk Nông các hợp đồng tín dụng. Cụ thể: Ngày 19/9/2012 ký hợp đồng số 01/2012/HĐ vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả ngày 22/4/2013; Ngày 20/9/2012 ký hợp đồng số 01/2012/HĐ vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả ngày 22/4/2013; Ngày 08/3/2013 ký hợp đồng số 01/2013/HĐ vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn trả ngày 09/9/2013; Ngày 05/4/2013 ký hợp đồng số 02/2013/HĐ vay số tiền 500 triệu đồng, thời hạn trả ngày 07/10/2013; Ngày 27/5/2013 ký hợp đồng số 03/2013/HĐ vay số tiền 1 tỷ đồng, thời hạn trả ngày 15/11/2013; Ngày 17/10/2013 ký hợp đồng số 05/2013/HĐ vay số tiền 500 triệu đồng, thời hạn trả ngày 22/4/2013; Ngày 29/11/2013 ký hợp đồng số 06/2013/HĐ vay số tiền 1 tỷ đồng, thời hạn vay 5 tháng, không ghi ngày trả nợ; Ngày 27/3/2014 ký hợp đồng số 01/2014/HĐ vay số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn vay 6 tháng, không ghi ngày trả nợ; Ngày 25/6/2014 ký hợp đồng số 01/2014/HĐ vay số tiền 3 tỷ đồng, thời hạn trả nợ làm 3 đợt: Đợt 1 ngày 26/6/2015 trả 500 triệu, đợt 2 ngày 25/6/2017 trả 1 tỷ đồng và đợt 3 ngày 26/6/2018 trả 1,5 tỷ, tiền lãi trả 4 tháng/lần (Quá trình thực hiện hợp đồng bà T2 đã trả và tất toán xong 8 hợp đồng tín dụng, riêng hợp đồng số 01/2014/HĐ ngày 25/6/2014 mới trả được 168 triệu đồng tiền lãi). Mục đích vay theo hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận là nhằm đầu tư sửa chữa, cải tạo nhà ở, nâng nền, làm sân, đầu tư cải tạo vườn cà phê, mua sắm vật dụng gia đình. Như vậy, kể từ ngày ông T3 ủy quyền cho bà T2 thì bà T2 liên tục ký 09 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng T và không hề bị ngắt quãng, gián đoạn trong khoảng thời gian dài. Bên cạnh đó theo giấy ủy quyền ngày 19/9/2012 có nội dung ủy quyền là “thông qua văn bản này tôi ủy quyền cho bà Bùi Thị Kim T2 thay mặt hộ gia đình thực hiện các thủ tục, ký kết các hợp đồng, chứng từ trong giao dịch vay vốn (trừ việc bảo đảm tiền vay) với Ngân hàng T – Chi nhánh tỉnh Đắk Nông; thời hạn ủy quyền: “Kể từ ngày ký ủy quyền cho đến khi hoàn thành xong công việc ủy quyền nêu trên”. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 147 Bộ luật dân sự 2005 thì “2. *Đại diện theo ủy quyền của cá nhân chấm dứt trong các trường hợp sau đây:*

a) Thời hạn ủy quyền đã hết hoặc công việc được ủy quyền đã hoàn thành;”

Tại Điều 582 Bộ luật dân sự 2005 quy định: “*Thời hạn ủy quyền*

Thời hạn ủy quyền do các bên thỏa thuận hoặc do pháp luật quy định; nếu không có thỏa thuận và pháp luật không có quy định thì hợp đồng ủy quyền có hiệu lực một năm, kể từ ngày xác lập việc ủy quyền.”

Do đó, tại giấy ủy quyền ngày 19/9/2012 được xác lập giữa ông T3 và bà T2 nêu trên là ủy quyền xác định theo công việc được ủy quyền. Bên cạnh đó, ông T3, bà T2 là vợ chồng, đang sinh sống cùng nhà với nhau nên ông cho rằng không biết việc bà T2 vay tiền là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy cấp sơ thẩm buộc bà

T2, ông T3 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T – Chi nhánh Đắk Nông số tiền 5.514.781.250 đồng gồm tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.514.781.250 đồng, trong đó tiền lãi suất trong hạn là 1.906.750.000 đồng và tiền lãi suất quá hạn là 608.031.250 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng tín dụng đối với số tiền nợ gốc cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Đối với yêu cầu kháng cáo về việc xử lý tài sản thế chấp, ông Hà Xuân T3 cho rằng tại thời điểm thế chấp thì các con của ông đã trên 15 tuổi nhưng không ký vào hợp đồng thế chấp. Do đó, hợp đồng thế chấp này vô hiệu. HĐXX xét thấy: Tại hợp đồng thế chấp số 03/2009/1053063/HĐTC ngày 30/ 03/ 2009 (gọi tắt là hợp đồng số 03) ông T3, bà T2 đã thế chấp hai thửa đất và tài sản gắn liền với đất theo CNQSDĐ số: AA362804 đứng tên hộ ông Hà Xuân T3 và số AA362801 đứng tên hộ bà Bùi Thị Kim T2 đều được cấp ngày 30/11/2004. Xét về nguồn gốc sử dụng đất đối với hai thửa đất được thế chấp theo hợp đồng số 03 là do ngày 06/8/2004 ông T3 có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đức H diện tích 8.492m² đất nông nghiệp và ngày 27/8/2004 bà T2 đã nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đức H với diện tích 12.983m² diện tích nhận chuyển nhượng được UBND thị trấn G, tỉnh Đắk Nông xác nhận và sau đó đã được cấp GCNQSDĐ. HĐXX xét thấy rằng tại thời điểm ông T3, bà T2 nhận chuyển nhượng đất và xin cấp GCNQSDĐ thì hai người con của ông, bà là Hà Bùi Anh T4 (sinh năm 1992) và Hà Bùi Minh T5 (sinh năm 1996) đều chưa đủ 15 tuổi. Do đó, ông T3 cho rằng tài sản này là của hộ gia đình nhưng các con của ông không ký vào hợp đồng thế chấp số 03 là vô hiệu là không có căn cứ vì theo hướng dẫn tại Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao tại mục 4 phần III thì: *“Thời điểm để xác định hộ gia đình có bao nhiêu thành viên có quyền sử dụng đất là thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất.”* Hơn nữa, Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bản thân ông T3 cũng đã thừa nhận việc hai bên ký hợp đồng thế chấp ngày 30/3/2009 thì sau khi đã tắt toán các hợp đồng tín dụng năm 2009 và năm 2010 thì bản thân ông và bà T2 cũng chưa thực hiện việc xóa đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền. Ngày 19/9/2012 ông T3 ủy quyền cho bà T2 ký kết các hợp đồng tín dụng tại ngân hàng T – Chi nhánh Đắk Nông và bà T2 đã dùng hợp đồng thế chấp số 03/2009/1053063/HĐTC ngày 30/ 03/ 2009 để thế chấp cho các hợp đồng tín dụng mà bà T2 đã vay, trong đó có hợp đồng tín dụng số 01/2014/1053063/HĐTD ngày 25 tháng 6 năm 2014. Do đó, hợp đồng thế chấp này vẫn có giá trị đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX xét thấy đối với HĐTC số 01/2013 ngày 04/3/2013 cấp sơ thẩm đã tuyên không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T về việc xử lý tài sản thế chấp và tuyên vô hiệu một phần HĐTD 14 đối với phần tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp nêu trên là chưa đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các đương sự không kháng cáo đối với nội dung này nên tại cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết, các đương sự có quyền khiếu nại yêu

cầu xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm theo quy định. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn một số sai sót. Cụ thể: Trong quá trình giải quyết, bản thân ông Hà Xuân T3 có yêu cầu cấp sơ thẩm phải đưa hai con của ông là Hà Bùi Minh T4 và Hà Bùi Anh T5 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm thì cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai và đưa họ vào tham gia tố tụng, đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử mới đưa họ vào tham gia là chưa đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên theo đơn trình bày ngày 16/7/2020 tại cấp phúc thẩm thì chị Anh T4 và chị Minh T5 cho rằng cũng không khiếu nại gì về nội dung sai sót này của cấp sơ thẩm và đồng thời đề nghị giải quyết vắng mặt nên cấp phúc thẩm chỉ nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[4]. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hà Xuân T3, xét quan điểm đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là không phù hợp do đó HĐXX không chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp về phần ông T3 với bà T2 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T - Chi Nhánh tỉnh Đắk Nông và phần xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 03/2009/1053063/HĐTC ngày 30/ 03/ 2009.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hà Xuân T3 phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Áp dụng các Điều 126, 127, 128, 137, điểm a khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 281, 290, khoản 2 Điều 305, 342, 344, 347, 350, 355; 357, 409, 582, 715 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hà Xuân T3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 10/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông về phần ông T3 với bà T2 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T - Chi Nhánh tỉnh Đắk Nông và phần xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 03/2009/1053063/HĐTC ngày 30/ 03/ 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà Xuân T3 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng số 01/2014/1053063/HĐTD ngày 25 tháng 6 năm 2014.

1.1. Buộc bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà Xuân T3 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T - Chi Nhánh tỉnh Đắk Nông số tiền 5. 514.781.250 đồng (*Năm tỷ năm trăm mười bốn triệu bảy trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng*),

gồm tiền nợ gốc là 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 10 - 01 - 2020) là 2.514.781.250 đồng, trong đó tiền lãi suất trong hạn là 1.906.750.000 đồng và tiền lãi suất quá hạn là 608.031.250 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/1053063/HĐTD Ngày 25 tháng 6 năm 2014.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10 - 01 - 2020) bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà Xuân T3 còn phải tiếp tục chịu lãi suất đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/1053063/HĐTD Ngày 25 tháng 6 năm 2014 đối với số tiền nợ gốc chưa trả cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

1.3. Trường hợp bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà Xuân T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T - Chi Nhánh tỉnh Đắk Nông có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA362804 đứng tên ông Hà Xuân T3 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Nông cấp ngày 30 - 11 - 2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA362801 đứng tên hộ bà Bùi Thị Kim T2 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 30 - 11 - 2004 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 03/2009/1053063/HĐTC ngày 30 - 03 - 2009.

1.4. Trường hợp tài sản thế chấp xử lý không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà Xuân T3 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T - Chi Nhánh tỉnh Đắk Nông.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị Kim T2 và ông Hà Xuân T3 phải nộp 56.757.354 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng T - Chi nhánh tỉnh Đắk Nông 60.175.000 đồng (*Sáu mươi triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000261 ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hà Xuân T3 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000073 ngày 03/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Xuân Chiến